

Yếu Tố Viên Kiến Trong Cách Mạng

Luật Sư Đào Tăng Dực

Việt Nam và Trung Quốc sẽ là những nước dân chủ. Vấn đề không phải là sẽ dân chủ hay không, mà vấn đề là vào thời điểm nào. Chính các người Cộng Sản tại hai quốc gia này cũng phải công nhận tính bất khả vãn hồi của tiến trình dân chủ hóa đó. Cũng chính đương kim thủ tướng Trung Quốc Ngô Gia Bảo, trong một cuộc phỏng vấn của Chương Trình GPS trên CNN, ngày 23 tháng 8, 2009, đã nhắc đến xác suất hình thành của một nền dân chủ lưỡng đảng tại Trung Quốc trong 25 năm. Trong khi đó tại Việt Nam, thủ tướng CSVN là Nguyễn Tấn Dũng thì chỉ im lặng nắm quyền và không có quan điểm nào cả. Điều này nói lên khoảng cách rất xa giữa phẩm chất của người nắm quyền CSVN và CSTQ, nhất là tính thiếu viên kiến trầm trọng của giới lãnh đạo CSVN như sẽ trình bày sau.

Dĩ nhiên 25 năm là một thời điểm xa vời và chỉ có thể là giấc mơ kéo dài quyền lực của những lãnh tụ độc tài Trung Quốc. Dân tộc Trung Hoa sẽ không nhẫn nại như họ mong muốn. Những cuộc cách mạng lật đổ các chế độ độc tài đương nhiên sẽ xảy ra tại Trung Quốc và Việt Nam, vì các dân tộc này kỳ vọng và xứng đáng được những quyền tự do căn bản mà phần lớn nhân loại đang hưởng thụ.

Mọi người Việt Nam đều có trách nhiệm góp phần vào cuộc cách mạng dân chủ hóa đất nước đó.

Để ý thức rõ hơn về trách nhiệm cao quý này của toàn dân, chúng ta phải hiểu danh từ “cách mạng” có nghĩa là gì?

Trên phương diện chính trị, cách mạng có nghĩa là thay đổi một trật tự xã hội này bằng một trật tự xã hội khác. Hàm chứa trong trật tự xã hội mới là một luồng tư tưởng chỉ đạo khác chế trật tự xã hội bị thay thế. Thông thường đây là một sự thay đổi có tính đột biến và đổ máu. Tuy nhiên đổ máu không nhất thiết phải xảy ra. Các cuộc cách mạng lật đổ các chế độ Cộng Sản tại Đông Âu và Liên Bang Xô Viết đã kết thúc trong tinh thần bất bạo động.

Vào thời điểm Việt Nam và Trung Quốc chuyển mình trở thành những chế độ dân chủ đa đảng thật sự, thì sự chuyển mình này có thể được nghiêm chỉnh định nghĩa như là một cuộc cách mạng và xác suất mang tính bất bạo động rất cao.

Trong quá khứ, hai chữ “cách mạng” được sử dụng trong ý nghĩa tích cực, vì những người muốn thay đổi một trật tự xã hội hiện hành luôn luôn hy vọng trật tự xã hội mới, mà mình cuu mang, sẽ đem lại một tương lai tươi đẹp hơn cho dân tộc họ.

Tuy nhiên lịch sử chứng minh rằng thực tế không phải luôn luôn như thế.

Thực tế, trái lại, cho thấy mọi cuộc cách mạng dù tiến bộ và tích cực đến đâu, đều có khuyết điểm và cần phải tu chính thêm. Hơn nữa có những cuộc cách mạng không những hoàn toàn vắng bóng những yếu tố tích cực, mà còn mang lại tai họa cho dân tộc xuyên qua nhiều thế hệ. Điển hình là các cuộc cách mạng Cộng Sản và Hồi Giáo cực đoan mà chúng ta sẽ phân tích trong bài này.

Chúng ta cũng sẽ phân tích tầm mức quan trọng chiến lược của yếu tố viễn kiến trong nhận thức của những người lãnh đạo. Yếu tố viễn kiến giữ một vai trò tối quan trọng, giúp chúng ta phân biệt giữa một cuộc cách mạng có tính tiến bộ và một cuộc cách mạng mang tính phản tiến bộ, gây tai họa cho một dân tộc và đôi khi cả nhân loại.

Thế nào là yếu tố viễn kiến trong cách mạng?

Một cách vắn tắt, trên phương diện tiêu cực, viễn kiến trong cách mạng là khả năng đo lường và khống chế những tác hại từ tính đột biến của cách mạng, khi thay đổi một trật tự xã hội này bằng một trật tự xã hội khác. Trên phương diện tích cực, viễn kiến là khả năng nuôi dưỡng lâu dài những phúc lợi cho dân tộc qua thành quả của cuộc cách mạng.

Như vậy viễn kiến sẽ có những đường nét sau đây:

1. Có lý tưởng tích cực hướng về một tương lai sáng lạng hơn cho dân tộc hoặc nhân loại.
2. Ý thức một cách sâu sắc rằng một cuộc cách mạng hướng về tương lai, không thể đoạn tuyệt với quá khứ của một dân tộc. Trái lại phải tích cực tiếp nối quá khứ đó.
3. Tính tích cực của một cuộc cách mạng không nhất thiết là phản đề của yếu tố ôn hòa bất bạo động
4. Một tổ chức cách mạng nghiêm chỉnh phải tạo cho mình khả năng khống chế những thành phần quá khích và ý thức hệ giáo điều
5. Một tổ chức cách mạng trưởng thành phải bao gồm trong cấu trúc của mình một cơ chế đủ mạnh để dẹp tan mọi khuynh hướng thể chế hóa phương tiện (institutionalisation des moyens) hiểu theo nghĩa của tư tưởng gia người Pháp Bertrand De Jouvenel (1903-1987) như sẽ giải thích sau.

Khi đánh giá những cuộc cách mạng và những nhân vật lãnh đạo, chúng ta cần phải nhìn bản chất của các cuộc cách mạng và hậu quả lâu dài trên tiền đồ của đất nước. Sự thành công hay thất bại vào thời điểm của cuộc cách mạng bùng nổ không phải là yếu tố quyết định.

Magna Carta năm 1215:

Khi chúng ta nhìn lại lịch sử của các cuộc cách mạng đem lại các quyền tự do chính trị hiện nay cho loài người, thì không có biến cố nào quan trọng bằng cuộc cách mạng năm 1215 tại Anh Quốc khi các nhà quý tộc (barons) tại nước này liên kết với những “người tự do” (freemen) vốn là những thường dân được đặc quyền sống trong các thành phố. Liên minh này buộc vua John của Anh Quốc ký một văn kiện lịch sử gọi là Magna Carta (Great Charter of Liberties). Văn kiện này là tiền thân của English Bill of Rights 1689, American Bill of Rights và Canadian Bill of Rights. Magna Carta (chỉ áp dụng cho những freemen) công nhận một số nhân quyền chính đáng, xác nhận vương quyền không thể đứng trên luật pháp và quyền được kháng cáo để pháp luật duyệt xét khi một người bị bắt giam (habea corpus). (Xem Wikipedia: Magna Carta) Tuy cuộc cách mạng Magna Carta, so với bối cảnh chính trị ngày hôm nay, có tính thô sơ, đơn giản và không ngó ngàng đến vận mệnh của đại đa số người dân Anh Quốc thời bấy giờ tiếp tục cuộc sống của những nông nô. Tuy nhiên vào thời điểm đó tính cách mạng của nó không thể chối bỏ.

Ở một mức độ nào đó thì ngày hôm nay, toàn dân Việt Nam vẫn chưa đạt đến những quyền căn bản mà những freemen tại Anh Quốc đạt được vào thế kỷ 13: tại Việt Nam, vào thế kỷ 21 qua điều 4 hiến pháp, Đảng CSVN vẫn đứng trên và ngoài luật pháp và người dân Việt Nam vẫn chưa có quyền habea corpus như ghi nhận trong Magna Carta.

Sau khi Magna Carta được ký kết, văn kiện này có một định mệnh nổi trôi xuyên qua lịch sử lâu dài của Anh Quốc. Khi thì được tôn trọng. Khi thì vương quyền lấn lướt và vứt vào sọt rác của thời đại. Khi thì được nâng niu, trùng tu và ca tụng. Tuy nhiên, cùng với sự tranh đấu không ngừng của toàn dân, qua văn kiện lịch sử này, vào cuối thế kỷ 19, Anh Quốc đã có một nền dân chủ rất tiên bộ so với nước Pháp dưới triều vua Louis 16.

Các nền dân chủ tại Anh Quốc và Hoa Kỳ là những nguồn cảm hứng của nhiều nhà lãnh đạo cuộc cách mạng Pháp năm 1789 như chúng ta sẽ thảo luận sau. Dĩ nhiên trước đó, cuộc cách mạng Hoa Kỳ thành công được là vì đã được dân tộc Pháp tài trợ về vũ khí và ngân lượng. Đồng thời, đồng thời những nhà cách mạng Hoa Kỳ cũng đã sử dụng những tư tưởng vô cùng tiên bộ và sâu sắc của các lý thuyết gia chính trị người Pháp.

Cuộc Cách Mạng Hoa Kỳ ngày 4 tháng 7 năm 1776:

Tinh thần của cuộc cách mạng Hoa Kỳ năm 1776 được diễn tả trọn vẹn qua câu văn bất hủ sau đây trong bản Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ:

“ Chúng tôi khẳng định những sự thật hiển nhiên rằng mọi người đều sinh ra bình đẳng, rằng tạo hóa ban cho họ những quyền bất khả vi phạm, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu tìm hạnh phúc.”

Đây là đoạn văn được nhắc nhở đến nhiều nhất trong lịch sử chính trị cận kim. Thomas Jefferson là tác giả của Tuyên Ngôn Độc Lập và của đoạn văn này. Tuy bản Tuyên Ngôn Độc Lập không phải là hiến pháp của Hoa Kỳ nhưng nó quan trọng đến mức độ nhiều luật gia nổi tiếng, trong đó

có Cựu Tổng Thống Abraham Lincoln cho rằng, mọi sự diễn giải hiến pháp đều phải dựa vào tinh thần của bản Tuyên Ngôn Độc Lập này.

Cuộc cách mạng Hoa Kỳ xảy ra vì 13 tiểu bang đầu tiên không chấp nhận sự kiện họ phải tiếp tục đóng thuế cho chính quyền vương triều Anh Quốc, mà không được quyền bầu người đại diện cho mình vào quốc hội Anh Quốc. Phương châm của cuộc cách mạng này đơn giản là:

Không đóng thuế nếu không có người đại diện (No taxation without representation).

Vương quyền Anh Quốc không chấp nhận điều này. Cuộc chiến tranh cách mạng giành độc lập của Hoa Kỳ xảy ra dưới sự lãnh đạo của Tướng George Washington và sự viện trợ vũ khí cũng như tài chánh hùng hậu của Pháp Quốc, vốn là đối thủ của Anh Quốc từ nhiều thế kỷ.

Ngày 17 Tháng 9 năm 1787, Bản Hiến Pháp Hoa Kỳ được chính thức công bố. Có thể nói rằng, cuộc cách mạng Hoa Kỳ bắt đầu năm 1776 nhưng hoàn tất 11 năm sau đó. James Madison, Thomas Jefferson và Alexander Hamilton đã đóng góp trí tuệ của mình để hoàn thành văn bản lịch sử này. Ngoài việc là những nhà cách mạng, họ còn là những tư tưởng gia sâu sắc và chịu ảnh hưởng nhiều của các tư tưởng gia Âu Châu trước đó như Montesquieu (1689-1755) với quan điểm Tam Quyền Phân Lập (Separation of Powers) và John Locke (1632-1704) với quan điểm Pháp Trị (Rule of Law hoặc Due Process).

Cuộc cách mạng Hoa Kỳ đã là nguồn cảm hứng cho nhiều cuộc cách mạng lẫn cải cách chính trị tiếp theo trên khắp thế giới. Tuy nhiên cuộc cách mạng này, lẫn hiến pháp của Hoa Kỳ vẫn còn nhiều khuyết điểm và tạo ra nhiều bất công.

Các điều này đã được phân tích trong bài: “Những Khuyết Điểm của Nền Dân Chủ Hoa Kỳ” cùng một tác giả. Nơi đây, chúng ta chỉ nhắc đến 2 khuyết điểm trọng đại nhất và sẽ bàn luận nhiều hơn vào cuối bài tham luận này:

Trước hết cuộc cách mạng Hoa Kỳ căn bản không phải là một cuộc nổi dậy của toàn dân chống lại vương quyền. Đây là một cuộc nổi dậy của giới địa chủ (landed gentry) chống lại chính sách thuế khóa của vương quyền mà họ cho là bất công. Chính vì thế hiến pháp Hoa Kỳ cho đến bây giờ vẫn ghi nhận “electoral college votes” như là những lá phiếu quyết định trong việc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ, không phải là lá phiếu trực tiếp của người dân. Những người như Thomas Jefferson, Madison, Alexander Hamilton xuất thân từ giới địa chủ. Vào thời điểm đó của lịch sử, giai cấp của họ đương nhiên trở thành những electors nắm giữ electoral college votes.

Tiếp theo đó, bất công thứ nhì là số phận và quyền lợi của những người nô lệ da đen không hề được công nhận trong hiến pháp.

Mãi đến giai đoạn chiến tranh Nam Bắc, Tổng Thống Abraham Lincoln (1809-1865) mới hoàn tất việc giải phóng những người nô lệ da đen. Có thể nói rằng công trình vĩ đại này của Abraham Lincoln là một sự trùng tu không thể thiếu cho cuộc cách mạng Hoa Kỳ.

Nếu không có công cuộc giải phóng nô lệ này thì nền dân chủ Hoa Kỳ, từ lâu, đã mất đi lẽ sống và hấp lực của nó.

Cuộc cách mạng Pháp 14 tháng 7 Năm 1789:

Pháp là quê hương của những tư tưởng gia chính trị lừng danh của thời Ánh Sáng tại Tây Âu như Montesquieu, Jean Jacques Rousseau, Voltaire. Tuy nhiên, vào cuối thế kỷ 18, nước Pháp lại có một chế độ vương quyền, phong kiến lạc hậu và đầy rẫy bất công, so với Anh Quốc phía bắc và Hoa Kỳ bên kia bờ Đại Tây Dương. Thêm vào đó ngân sách quốc gia bị thâm thủng nặng nề vì sự hoang phí của triều đình vua Louis 16, và những sự viện trợ rộng rãi cho các tiểu bang Hoa Kỳ chống lại Đế Quốc Anh. Dân chúng Pháp mọi tầng lớp đều phẫn uất vì sự liên kết giữa Hoàng Tộc, giáo hội Công Giáo (vốn sở hữu nhiều đất đai) và giới quý tộc để bóc lột dân đen.

Dân chúng nổi loạn và khẩu hiệu tiêu biểu của cuộc cách mạng Pháp là:

Tự Do, Công Bằng và Hữu nghị (Liberté, Egalité et Fraternité).

Tuy nhiên nếu ta duyệt xét văn kiện tinh thần của cuộc cách mạng này, chúng ta sẽ thấy những giá trị sâu sắc vượt lên trên tính căm thù giai cấp của nó.

Thực vậy, Bản Tuyên ngôn về nhân quyền và các quyền công dân ngày 26 tháng 8 năm 1789 (Declaration des droits de l'homme et du citoyen) gồm 17 điều khoản bao gồm các quan điểm căn bản được tác giả tóm lược như sau:

1. Quyền tự do và bình đẳng
2. Quyền lập hội chính trị, tư hữu, sự an toàn, chống lại áp bức
3. Quyền lực tối thượng nằm nơi quốc dân
4. Tự do là một quyền tự nhiên. Chỉ có luật pháp chính đáng mới giới hạn được
5. Luật pháp có giới hạn của nó. Con người có quyền làm những điều luật pháp không ngăn cấm
6. Luật pháp phát xuất từ dân ý. Mọi người đều có quyền giữ các chức vụ chính quyền theo khả năng.
7. Không ai có thể bị bắt hoặc giam cầm trái luật
8. Hình phạt chỉ áp dụng khi cần thiết và luật pháp không áp dụng hồi tố

9. Mọi người đều được giả định vô tội trước khi bị kết án
10. Tự do tư duy
11. Tự do trao đổi quan điểm
12. Công quyền mục đích phục vụ cho toàn dân, không phải cho kẻ nắm quyền
13. Đóng thuế tùy theo khả năng trả thuế
14. Nhu cầu thu thuế phải được chứng minh
15. Mọi công cụ chính quyền phải chịu trách nhiệm trước xã hội
16. Bất cứ xã hội nào cũng phải bảo đảm các quyền nêu trên và áp dụng nguyên tắc phân quyền
17. Tài sản là quyền tối thượng, chỉ có thể bị thu hồi nếu được bồi thường công bằng và trước khi tịch thu.

Cuộc cách mạng Pháp là một cuộc cách mạng đẫm máu. Số người chết khoảng 170,000 đến 250,000 tức 1% dân số vào thời điểm đó. Nếu dân số nước Pháp bây giờ là 60 triệu thì con số người chết tương tự sẽ là 600,000 người.

Mặc dầu cuộc cách mạng Pháp thất bại và bị đế quyền Nã Phá Luân (Napoleon) thanh toán. Tuy nhiên những lý tưởng đầy viễn kiến của nó vẫn được nuôi dưỡng trong lòng những sĩ quan Pháp trẻ tuổi trong đoàn quân viễn chinh của Nã phá Luân lan tràn khắp Âu Châu. Thêm vào đó, cuộc cách mạng này đi xa hơn cuộc cách mạng Hoa Kỳ trên 3 phương diện:

- a. Quan điểm phân biệt giữa giáo quyền và thế quyền (church and state) nguyên thủy phát xuất từ triết gia Anh Quốc là John Locke. Tuy nhiên cuộc cách mạng Pháp là một đường gươm dứt khoát phân chia ranh giới giữa giáo quyền và thế quyền một cách triệt để. Quan điểm này của John Locke cũng được đưa vào hiến pháp Hoa Kỳ qua điều tu chính thứ nhất (First amendment) vào năm cuối của cuộc cách mạng Pháp, và được thông qua hai năm sau đó (1791). Đây là một bước đi cần thiết và đầy viễn kiến của cách mạng Pháp, không những đối với những quốc gia Tây Phương thời bấy giờ (khi Giáo Hội La Mã sở hữu nhiều đất đai và không ngần ngại xen lẫn vào chính trị) nhưng cũng là một kinh nghiệm lịch sử các quốc gia Hồi Giáo cần phải học hỏi trong tương lai, trên con đường xây dựng dân chủ và hòa bình thế giới.
- b. Nó đánh dấu sự vùng dậy của giai cấp thứ 3 là giới bình dân (Tiers Etat), lật đổ giai cấp thứ nhất là giáo hội (Premier Etat) và giai cấp thứ nhì là quý tộc (Deuxieme Etat), cũng như vương quyền (đứng trên và ngoài các giai cấp): Ngay trong những năm đầu của cuộc cách mạng, giai cấp dân nghèo (sans culottes) đã đóng góp tích cực. Trên phương diện đấu tranh, tính cách mạng của nó cao hơn cuộc cách mạng Hoa Kỳ.

- c. Cũng vì yếu tính phát xuất từ quyền lợi của giai cấp thấp nhất trong xã hội mà cuộc cách mạng Pháp trở thành nền tảng của những chế độ dân chủ đa nguyên triệt để, thay vì những chế độ nhị nguyên chính trị như Hoa Kỳ, hoặc ngay cả Anh Quốc (vì tuy Anh Quốc có hơn 2 đảng chính trị nhưng trên thực tế chỉ có 2 đảng là có thực quyền)

Cuộc cách mạng Pháp, cũng như nhiều cuộc cách mạng sau đó đều có sự tham gia của nhiều đảng phái và phe nhóm khác nhau. Tuy nhiên, vào giai đoạn nghiêm trọng nhất thì những thành phần ôn hòa bị các thành phần cực đoan (Jacobins và Sans Culottes) khống chế. Robespierre, Dalton và Hébert là tiêu biểu cho các lực lượng cực đoan này. Nếu không có họ, cuộc cách mạng Pháp đã ít đổ máu hơn, nhất là máu của Hoàng Gia, Giáo Hội và các nhà quý tộc. Nước pháp cũng có xác xuất trở thành quốc gia quân chủ lập hiến đầu tiên có một bản hiến pháp thành văn.

Mặc dầu chính Robespierre cuối cùng cũng bị đưa lên đoạn đầu đài, quá nhiều đầu đã rơi và máu đã đổ. Cuộc cách mạng Pháp đã đi quá đà trong lòng dân.

Nếu không có những thành phần quá khích, và nước Pháp chuyển mình, từ một trật tự xã hội quân chủ phong kiến bất công, sang một nền dân chủ trong hòa bình, thì sẽ không còn cơ hội nào cho Nã Phá Luân sử dụng quân đội để khai tử cuộc cách mạng Pháp, xây dựng đế chế và đem toàn thể Âu Châu tắm máu chiến tranh. Lịch sử của nhân loại có thể sẽ hoàn toàn khác ngày hôm nay nếu không có Robespierre.

Tuy không khống chế được trọn vẹn những phần tử quá khích trong cuộc cách mạng, nhưng cuộc cách mạng Pháp vẫn là một cuộc cách mạng mang nhiều yếu tố vĩ kiến. Lý do là vì những tư tưởng chỉ đạo của cuộc cách mạng này phát xuất từ trong lòng nền văn hóa Pháp trải qua suốt thời kỳ Ánh Sáng, vốn là giai đoạn sáng tạo nhất của Tây Âu. Những tư tưởng chỉ đạo này trở thành kim chỉ nam cho những chính trị gia nhiều thế hệ tiếp theo, không những tại Pháp mà còn trên năm châu bốn bể khắp quả địa cầu. Hầu như sự thất bại của cuộc cách mạng 1789 trở thành yếu tố thần thoại hóa những nhân vật lãnh đạo để họ sống mãi trong lòng dân tộc Pháp. Nếu cuộc cách mạng trường tồn và, dưới ảnh hưởng của tiến trình thể chế hóa phương tiện (như sẽ giải thích sau), nhóm Jacobin hoặc một nhóm nào khác, trở thành một đảng phái độc tài, gieo rắc đau thương cho cả một thế hệ tại Pháp, thì hào quang của những người lãnh đạo đã lu mờ trong lịch sử.

Cuộc cách mạng Tân Hợi ngày 10 tháng 10 năm 1911 tại Trung Hoa:

Triều đình Mãn Thanh bảo thủ và thối nát. Trung Hoa là một người khổng lồ bệnh hoạn. Tôn Dật Tiên thành lập Trung Quốc Đồng Minh Hội năm 1905 gồm 3 tổ chức chính (Hoa Hưng Hội, Hưng Trung Hội và Quang Phục Hội) và một số lực lượng khác. Tôn Dật Tiên là một nhà cách mạng lớn của Trung Hoa và khởi xướng chủ thuyết Tam Dân Chủ Nghĩa. Vào giai đoạn khởi thủy, những đường nét chính của chủ thuyết này được Ông khai triển để làm kim chỉ nam cho các đồng chí của Ông tham gia cuộc cách mạng Tân Hợi. Sau khi cách mạng Tân Hợi thành công

năm 1911, ông được bổ nhiệm làm lâm thời Đại Tổng Thống một thời gian ngắn.

Chủ thuyết Tam Dân được Ông viết thành sách và xuất bản năm 1927 và bao gồm các yếu tố căn bản sau đây:

1. Dân tộc: lấy quốc gia dân tộc làm trọng, để chống lại một mặt chủ nghĩa thực dân đế quốc, và mặt khác ngăn chặn các khuynh hướng chia rẽ Trung Quốc thành nhiều chủng tộc khác nhau như Mông, Mãn, Hán, Hồi (và “Tạng” sau khi Trung Quốc xâm chiếm Tây Tạng).
2. Dân Quyền: Ông quan niệm dân quyền phải được chia làm 2 loại:
 - a. Chánh quyền là quyền của dân, gồm quyền bầu cử, đề nghị dự luật, biểu quyết bãi nhiệm chính quyền hay công chức, và quyền phủ quyết các luật pháp
 - b. Trị quyền là quyền của chính phủ gồm lập pháp, hành pháp, tư pháp, giám sát và khảo thí (gọi là Ngũ Quyền Phân Lập)
3. Dân sinh: chú vào 2 trọng tâm là bình quân địa quyền và tiết chế tư bản. Chủ trương của Ông tương tự một “welfare state” như ngày hôm nay tại Úc Châu, Gia Nã Đại hoặc các quốc gia Tây Âu. Ông muốn dung hòa quyền lợi của tư bản và thợ thuyền, giảm thiểu hố sâu giữa kẻ giàu và người nghèo.

(Xem Dương Thành Lợi, Triết Lý Quốc Trị Đông Phương, tt 342-367)

Năm 1912 Trung Hoa Quốc Dân Đảng được thành lập và Ông trở thành chủ tịch sáng lập. Tuy nhiên mãi đến năm 1924 Trung Hoa Quốc Dân Đảng mới chính thức công nhận Tam Dân Chủ Nghĩa của Ông như là chủ thuyết đấu tranh của đảng.

Trên thực tế, sự thành công của cuộc cách mạng Tân Hợi chỉ tạm thời. Các thế lực bảo thủ còn quá mạnh. Năm 1913 Ông phải từ chức và nhường quyền cho một cựu đại thần Triều Đình cũ là Viên Thế Khải làm Đại Tổng Thống. Viên Thế Khải muốn tái lập vương quyền nhưng sau đó bị lật đổ. Trung Hoa lại rơi vào nội chiến giữa nhiều lực lượng quân phiệt khác nhau. Tuy Trung Hoa Dân Quốc được thành lập nhưng không bao giờ có một chính quyền trung ương vững mạnh. Sau đó Đảng Cộng Sản Trung Quốc chiến thắng tại Hoa Lục năm 1949 và Trung Hoa Quốc Dân Đảng rút ra cố thủ tại Đài Loan.

Tôn Dật Tiên học hỏi được nhiều từ nền dân chủ Hoa Kỳ và áp dụng vào chủ thuyết Tam Dân của Ông. Thuyết dân tộc một phần phản ánh thực tế đa chủng tộc và đa văn hóa của nhiều quốc gia trên thế giới. Tinh thần bình đẳng trong dị biệt là một điều kiện tất yếu trong một nước dân chủ. Thuyết dân quyền của Ông là sự khai triển của quan điểm dân quyền (civil rights) tây phương và quan điểm tam quyền phân lập của Montesquieu. Ông có thêm vào hai quyền nữa là quyền giám sát và khảo thí, nhưng trên nguyên tắc quan điểm phân quyền để giảm thiểu sự tập trung quyền lực vào một cá nhân hoặc cơ chế vẫn không thay đổi.

Thuyết dân sinh của Ông có nhiều ưu điểm nhất. Ông sinh trưởng tại Hạ Uy Di, Hoa Kỳ nhưng không bị cảm dỗ bởi những khuynh hướng tư bản. Ông cũng không đồng ý với quan điểm Mác Xít cực đoan. Quan điểm của ông trung dung. Ông chủ trương bảo vệ tư hữu, nhưng giảm thiểu những cực đoan của tư bản vô kiểm soát. Thêm vào đó, những chủ trương của Ông không hề ngăn cản hoặc xen lấn vào nền văn hóa ngàn đời của người Trung Hoa. Ông giúp họ tiến đến một tương lai tốt đẹp hơn nhưng không buộc họ phải hủy diệt quá khứ của họ. Viễn kiến của ông được mọi người Trung Hoa công nhận và tôn sùng cho đến hôm nay.

Cuộc cách mạng Nga 1917:

Vào đầu thế kỷ 20, xã hội Nga cũng tương tự như xã hội Pháp trước cuộc cách mạng 1789 vậy. Một mặt triều đình thối nát, công quỹ kiệt quệ. Mặt khác giáo hội Chính Thống Giáo cũng liên kết với vương quyền và giới quý tộc bóc lột người dân. Cuộc cách mạng lật đổ Nga Hoàng năm 1917 không phải hoàn toàn, hoặc chủ yếu, do người Cộng Sản Bolshevik. Cũng như cuộc cách mạng Pháp và những cuộc cách mạng khác, thành quả có được là do sự đóng góp của nhiều cá nhân và đảng phái khác nhau. Tuy nhiên tổ chức nào nghiêm túc, chắc chắn và kỷ luật sẽ nắm được thế thượng phong.

Nga Hoàng đã bị lật đổ tháng hai năm đó và một chính phủ lâm thời đã được thành lập dưới quyền của Thủ Tướng Kerensky. Kerensky là một người chủ trương thành lập một thể chế dân chủ theo chiều hướng tây phương.

Lê Nin là một trong những người ngưỡng mộ Robespierre như một thần tượng.

Trong khi Robespierre cướp lấy quyền lực chính trị, trong một giai đoạn, từ những phe nhóm ôn hòa của cuộc cách mạng Pháp, thì Lê Nin cướp quyền lực vĩnh viễn từ phe ôn hòa do Alexander Kerensky lãnh đạo, trong cuộc cách mạng Nga. Cuộc cách mạng Bolshevik xảy ra vào tháng 10, 1917

Sai lầm chính trị của Kerensky là chủ trương chống lại cuộc xâm lăng của nước Đức và tuyển mộ quân đội gởi ra tiền tuyến. Đây là một hành động yêu nước nhưng thiếu sáng suốt vì vào thời điểm đó, dân chúng thiếu ăn và chán ngán chiến tranh. Lê Nin và Đảng Bolshevik (không còn là một nhóm nữa mà đã tách ra khỏi nhóm Menshevik để thành lập một đảng riêng) trái lại chủ trương phản chiến. Điều này phù hợp lòng dân, và chính phủ Đức viện trợ cho nhóm Bolshevik tài chánh dồi dào, mong sao cho Lê Nin nắm được chính quyền để Đức dễ chiếm cứ một phần đất phì nhiêu của Nga Sô.

Chính nhờ những yếu tố này mà phe Bolshevik cướp được chính quyền vào tháng 10, 1917. Biến cố này được các sử gia Cộng Sản nâng cấp thành “cuộc cách mạng tháng 10 vĩ đại”.

Trên thực chất cách mạng lật đổ Nga Hoàng đã xảy ra tháng 2 trước đó. Tháng 10 chỉ đánh dấu sự chuyển nhượng quyền lực từ nhóm Kerensky qua tay nhóm Lê Nin.

Sau khi nắm được chính quyền Lê Nin lập tức thi hành các chính sách Cộng Sản tiêu biểu như sau:

- a. *“Tiêu diệt mọi thành phần và đảng phái/ phe nhóm đối lập (đặc biệt là đảng Cách Mạng Xã Hội và Menshevik)*
- b. *Tháng 12 năm 1917 thành lập cơ quan mật vụ Cheka (vốn là tiền thân của KGB) để thanh toán và thủ tiêu tất cả mọi đối lập trong và ngoài đảng*
- c. *Quốc hữu hóa tất cả mọi ngân hàng*
- d. *Trao các hang xưởng cho các soviets quản trị*
- e. *Các tài khoản tư nhân trong các ngân hàng bị tịch thu*
- f. *Tài sản và ngân khoản của giáo hội Chính Thống Giáo bị tịch thu*
- g. *Tăng lương và giảm giờ làm việc cho nhân công thành 8 giờ một ngày*
- h. *Chối bỏ tất cả các món nợ với các quốc gia khác”*

(Xem Wikipedia: October Revolution)

Cuộc cách mạng tháng 10 năm 1917 tuy thành công trên phương diện cướp chính quyền cho nhóm Bolshevik, nhưng lại là một cuộc cách mạng thiếu viễn kiến và gây nhiều tác hại cho dân tộc Nga, lẫn những dân tộc bị các chế độ Cộng Sản tiếp theo cai trị vì các yếu tố như sau:

- a. Tính cách đoạn tuyệt quá khứ quá mạnh của nó hủy hoại nền văn hóa truyền thống dân tộc Nga trong khi thiên đường Cộng Sản chỉ là một viễn tượng xa vời chưa có.
- b. Tính bạo động và đổ máu của nó, dưới sự lãnh đạo của Lê Nin và sau đó Stalin còn vượt xa mức độ của thân tượng của họ là Robespierre nữa. Nếu kể cả Stalin thì đảng CS Liên Xô đã giết khoảng trên 30 triệu người. Một sự lạm sát như thế tiêu diệt nguyên khí của dân tộc Nga và dân tộc này sẽ mất nhiều kỷ nguyên mới khôi phục được.
- c. Cuộc cách mạng tháng 10 của người Bolshevik hoàn toàn không có khả năng khống chế các thành phần quá khích và giáo điều. Hơn ai hết, lãnh tụ của họ Lê Nin là một thành phần quá khích. Mặc dù vào những năm cuối cùng của mình, Lê Nin đã nhìn thấy một phần những khuyết điểm và muốn sửa đổi. Tuy nhiên sức khỏe của ông đã suy giảm và những quy luật mà ông đưa ra, như quan điểm dân chủ tập trung, đã bị Stalin lợi dụng triệt để để khống chế mọi thành phần đối lập trong lẫn ngoài đảng. Lê Nin chết sớm và Stalin lên ngôi.
- d. Đảng Cộng Sản Liên Xô là tiêu biểu tuyệt vời cho hiện tượng thể chế hóa phương tiện. Lý do là vì trên nguyên tắc, theo lý thuyết Mác Xít, đảng CS chỉ là một phương tiện để xây dựng xã hội chủ nghĩa hoặc thiên đường cộng sản. Một khi thiên đường đạt được thì phương tiện sẽ triệt tiêu. Tuy nhiên đảng như là một phương tiện, vì nắm mọi quyền lực và quyền lợi trong tay, nên chuyển mình thành một định chế vĩnh viễn trường tồn, nắm sinh mệnh không những của từng đảng viên mà của nguyên dân tộc trong bàn tay sắt của mình. Dĩ nhiên bao lâu mà thiên đường chưa đến thì không có lý do để triệt tiêu và thiên đường càng viễn vông thì quyền lực càng trường tồn. Như là một quy luật, một phương tiện chuyển mình trở thành định chế.

Đảng CS Liên Xô trở thành một con khủng long cầu xé không những các đảng viên nội bộ mà còn ăn tươi nuốt sống toàn dân tộc Nga. Các đảng CS Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Hàn đều là những tai họa tương tự cho dân tộc họ vì tính thiêu viễn kiến của cuộc cách mạng tháng 10 năm 1917.

Cuộc cách mạng Hồi Giáo năm 1979 tại Iran:

Nếu chúng ta định nghĩa cách mạng là sự thay thế một trật tự xã hội này, bằng một trật tự xã hội khác với một quan điểm chỉ đạo trái ngược, thì công cuộc lật đổ Vương Triều Mohammad Reza Pahlavi năm 1979, dưới sự lãnh đạo của Giáo Sĩ Hồi Giáo Khomeini, để thành lập nên nước Cộng Hòa Hồi Giáo Iran, là một cuộc cách mạng đúng nghĩa.

Dân tộc Iran vốn là một dân tộc theo tín ngưỡng Hồi Giáo. Tuy nhiên vương triều Pahlavi đã mất lòng dân vì những yếu tố sau đây:

1. Nhà vua có khuynh hướng chuyên chế và mất lòng giới trí thức cấp tiến muốn dân chủ hóa đất nước.
2. Vương triều muốn giới hạn quyền lợi cũng như ảnh hưởng của giáo hội Hồi Giáo và làm giới giáo sĩ bất mãn.
3. Vương triều muốn từ từ thay thế luật truyền thống Hồi Giáo bằng luật lệ Tây Phương, kể cả nam nữ bình quyền, lẫn cấm không cho phụ nữ đội khăn che đầu truyền thống. Điều này làm dân chúng phẫn nộ.
4. Nhà vua còn tỏ ra lệ thuộc vào Hoa Kỳ và Anh Quốc quá mức. Các quốc gia này bị dân chúng coi là những kẻ thù của Hồi Giáo.
5. Vương triều xử dụng tối đa quân đội và công an để đàn áp dân chúng. Tuy nhiên các lực lượng chống đối liên kết. Cuối cùng nhà vua phải bỏ nước lưu vong.

Giáo Sĩ Khomeini trở về Iran từ Pháp và được hàng triệu người đón tiếp tại phi trường.

Quan điểm chỉ đạo của cuộc cách mạng này gồm các yếu tố sau đây:

- a. Luật Hồi Giáo là tối thượng và giáo quyền (theocracy) phủ quyết thế quyền (the state)
- b. Công bằng xã hội
- c. Chống lại những “khuynh hướng đế quốc” của các nước Tây Phương, nhất là Hoa Kỳ và Anh Quốc. Cuộc chiến ngày hôm nay, đối với họ, là sự tiếp nối tự nhiên của các cuộc thánh chiến giữa Hồi Giáo và Thiên Chúa Giáo thời Trung Cổ.
- d. Chống lại văn hóa Tây Phương

- e. Cuộc cách mạng Hồi Giáo tại Iran chỉ là khởi điểm, cuộc cách mạng phải lan tràn trên tất cả các quốc gia Hồi Giáo khác, các nước Tây Phương và cuối cùng phải chinh phục toàn thế giới bằng ý thức hệ Hồi Giáo.

Để thực thi ý thức hệ trên tại Iran, hiến pháp nước này được viết lại và mọi quyền lực và cơ chế chính trị đều bị sự kiểm soát và chỉ đạo của một Hội Đồng Giáo Sĩ (Council of Guardians). Hội đồng này kiểm soát bầu cử và các sắc luật của lập pháp. Chủ tọa của Hội Đồng là một lãnh tụ Hồi Giáo tối cao (Supreme Leader) điều khiển và kiểm soát quân đội và công an, cũng như bổ nhiệm các chức vụ cao cấp của chính quyền và trong ngành tư pháp. Vị lãnh tụ tối cao đầu tiên là Ayatolla Khomeini. Vị lãnh tụ tối cao hiện giờ là Ayatolla Ali Khamenei.

Nếu chúng ta đáng giá mức độ viễn kiến hoặc thiếu viễn kiến của cuộc cách mạng này thì chúng ta có những nhận xét như sau:

1. Những quan điểm hướng về tương lai của Khomeini là một xã hội lý tưởng sống bằng lời dạy của Thượng Đế qua kinh Koran. Tuy nhiên, trên thực chất đây là một xã hội trong đó giới Giáo Sĩ thống trị thường dân, Giáo Hội thống trị cả chính quyền lẫn xã hội dân sự, và đàn ông thống trị nữ giới, tạo nhiều bất công.
2. Dĩ nhiên cuộc cách mạng này không có tính đoạn tuyệt quá khứ. Ngược lại không những nó tiếp nối quá khứ mà còn đi ngược lại thời gian, phủ nhận những tiến bộ bình thường của nền văn hóa Iran. Bằng tác động đi ngược lại dòng thời gian, nó muốn kéo dân tộc Iran trở về thời Trung Cổ khi Đấng Tiên Tri Mohammad mới quật khởi, khai đạo và vung gươm chinh phục các bộ lạc trong bán đảo Saudi Arabia bây giờ. Kéo một dân tộc đi ngược lại hơn một ngàn năm là một tác động gây nhiều tang tóc.
3. Chính vì chủ trương phản tiến hóa như thế mà cuộc cách mạng tại Iran được coi là nguồn gốc của quan điểm Hồi Giáo cực đoan (fundamentalist Islam) cùng với Ossama Bin Laden lẫn nhiều phe nhóm cực đoan khác. Chính quyền Iran còn âm thầm tài trợ cho nhiều phe nhóm khủng bố, nhằm lật đổ các chính quyền tại các quốc gia Hồi Giáo mà họ cho là thối nát, phản đạo và làm tay sai cho tây phương (Hồi Quốc, Saudi Arabia, Jordan, Ai Cập ...)
4. Những thành phần quá khích không những không bị khống chế mà còn được ủng hộ và đưa vào những chức vụ lãnh đạo trong chính quyền. Đương kim Tổng Thống Iran Ahmadinejad là một ví dụ điển hình.
5. Giáo Hội hiện giờ đang nắm quyền tuyệt đối, khống chế chính quyền lẫn xã hội dân sự. Qua tiến trình thể chế hóa phương tiện, giáo hội trở thành một định chế đầy quyền sinh sát trong tay và một thứ siêu quyền lực. Các nhà lãnh đạo quyết tâm nắm giữ quyền hành để thiên thu trường trị, nhất thống giang hồ, tương tự các đảng cộng sản trên thế giới.

Cuộc cách mạng Hồi Giáo tại Iran là một tai họa lớn lao cho dân tộc này, và gieo mầm hiểm họa cho nền hòa bình của thế giới. Nhất là nếu Iran hoặc những phe nhóm khủng bố Hồi Giáo chế ,

ráp, đánh cắp hoặc mua được vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học hoặc tương tự.

Đánh giá các cuộc cách mạng:

Sau khi duyệt xét các cuộc cách mạng lớn trên thế giới, chúng ta có thể phân ra hai loại: những cuộc cách mạng đem lại dân chủ và những cuộc cách mạng xây dựng độc tài.

Các cuộc cách mạng đem lại dân chủ bao gồm: Magna Carta tại Anh Quốc năm 1215, Cuộc cách mạng Hoa Kỳ năm 1776, cuộc cách mạng Pháp 1789 và cuộc cách mạng Tân Hợi tại Trung Quốc 1911.

Các cuộc cách mạng đem lại độc tài bao gồm: Cuộc cách mạng Bolshevik 1917 và cuộc cách mạng Hồi Giáo tại Iran năm 1979.

Hầu như những cuộc cách mạng dân chủ hóa luôn luôn đem lại, không những tiến bộ vượt bực về kinh tế cho các quốc gia sở tại, mà trên phương diện nhân quyền lẫn dân quyền, đều vượt trội so với các dân tộc phải trầm luân trong các cuộc cách mạng độc tài. Bằng cơ hiển nhiên là Anh Quốc, Hoa Kỳ, Pháp và Đài Loan vượt trội Nga Sô, các quốc gia Đông Âu và Trung Cộng.

Các cuộc cách mạng tại Anh Quốc, Hoa Kỳ, Pháp và Tân Hợi có nhiều khuyết điểm và nhiều khi bất thành. Nhưng viễn kiến của những người lãnh đạo biến lý tưởng của họ thành những ngọn đuốc soi đường cho các thế hệ mai sau. Hậu duệ của họ cuối cùng đã xây dựng được những xã hội phồn vinh, dân chủ và tươi sáng. Lý tưởng đấu tranh của họ hoàn toàn không có khuynh hướng ý thức hệ giáo điều. Những đảng phái phe nhóm của họ thành lập không trở thành những định chế cứng nhắc đầy quyền lực, siêu chính quyền, để khống chế nhà nước lẫn xã hội dân sự như các đảng Cộng Sản hoặc hội đồng giáo sĩ hồi giáo Iran.

Cuộc cách mạng Bolshevik 1917 và cuộc cách mạng Hồi Giáo Iran 1979 rõ ràng là những cuộc cách mạng thiếu viễn kiến. Các cuộc cướp chính quyền của các đảng Cộng Sản khác nhau tại Trung Hoa lục địa, Bắc Hàn, Việt Nam và Cuba đều cùng chia sẻ những khuyết điểm đã thảo luận trên.

Mặc dầu Lê Nin là một trong những người ngưỡng mộ Robespierre, và ở một mức độ nào đó, đã “noi gương” Robespierre một cách xuất sắc trong chủ trương đổ máu của mình. Tuy nhiên có một sai biệt căn bản giữa cuộc cách mạng Pháp 1789 và cuộc cách mạng Bolshevik 1917. Đó là cuộc cách mạng Pháp không nhằm đến mục tiêu hủy diệt giáo hội Công Giáo, hoặc hủy diệt tôn giáo nói chung, như Lê Nin. Tính viễn kiến của cuộc cách mạng Pháp nằm ở chỗ giới hạn quyền lực của giáo hội và vạch một lần ranh rõ rệt giữa giáo quyền và thế quyền, giúp cho sự phát triển dân chủ và ý niệm chủ quyền quốc gia được hưng thịnh. Biên giới giữa giáo quyền và thế quyền giúp cho nước Pháp và các nước Tây Âu, vào thời điểm đó, song hành hai công tác thiết yếu: nối tiếp truyền thống văn hóa Thiên Chúa Giáo và xây dựng dân chủ chân chính.

Sai lầm lớn lao nhất của các Ông Mao Trạch Đông, Kim Nhật Thành và Hồ Chí Minh là áp dụng giải pháp Mác Lê cho Việt Nam. Giải pháp này tự nó đã thiếu viển kiến và tàn phá một nước Thiên Chúa Giáo (hệ phái Chính Thống Giáo) như Nga Sô một cách thâm thương, vì tính đoạn tuyệt quá khứ và giáo điều của nó. Khi áp dụng miễn cưỡng vào các quốc gia Đông Á, với một nền văn hóa hoàn toàn khác biệt là Tam Giáo (Phật Lão Khổng) thì tính tha hóa và sự tàn phá còn tệ hại hơn nữa.

Trước hết các tôn giáo Đông Á như Phật Giáo, Lão Giáo và ngay cả Khổng Giáo không có tính giáo quyền. Không có một tôn giáo nào có một hệ thống và định chế quyền lực như có một vị giáo chủ toàn năng sai khiến giáo dân và can thiệp vào thế quyền cả.

Nếu có thế quyền thì chỉ có giai cấp Nho Gia sĩ phu đứng ra giúp triều đình gánh vác chuyện nước non. Tuy nhiên các sĩ phu cũng không có một giáo chủ sai khiến họ.

Dĩ nhiên xã hội truyền thống có rất nhiều bất công. Nhưng tính cứng nhắc của nó không bằng xã hội Pháp trước khi cuộc cách mạng Pháp xảy ra. Tại Đông Á, sự vận hành xuyên giai cấp tuy khó khăn nhưng thường xuyên xảy ra. Một thư sinh nghèo nếu học giỏi vẫn được bổ nhiệm làm quan lớn. Vua Quang Trung xuất phát từ giai cấp nông dân.

Giai cấp xã hội tây phương lúc đó trái lại được phân làm 3 loại rõ rệt. Giai cấp thứ nhất là giáo hội công giáo, giai cấp thứ nhì là quý tộc và giai cấp thứ ba là thứ dân. Vương triều đứng ngoài và trên các giai cấp. Tuyệt đối không có sự vận hành xuyên giai cấp giữa vương triều, quý tộc và thứ dân. Các giai cấp đều là cha truyền con nối. Chỉ có sự vận hành xuyên giai cấp trong giáo hội mà thôi, vì hàng ngũ giáo hội không phân biệt giai cấp. Sự xung đột giữa giáo quyền và thế quyền tại Tây Phương, sau đó đưa đến sự phân chia ranh giới giữa giáo quyền và thế quyền, tuy giảm đi quyền lực của giáo hội, nhưng lại giúp cho giáo hội loại bỏ những tính tiêu cực và nuôi dưỡng những tính tích cực, hầu tiếp tục đóng góp như là cột trụ của nền văn hóa Tây Âu.

Chính vì thế khi nói đến giáo hội Công Giáo La Mã ngày hôm nay, chúng ta thường nghe nhắc tới các yếu tính như: thể hiện lòng bác ái qua các công tác từ thiện và giáo dục, bênh vực cho giới nghèo khổ qua quan điểm công bằng xã hội, và cố võ cho hòa bình thế giới qua uy tín của giáo hội.

Tại Đông Á, nền văn hóa truyền thống hàm chứa nhiều ưu điểm có thể đóng góp cho tiến trình dân chủ hóa và củng cố cho ý niệm dân chủ đó. Ưu điểm lớn vì ngoài ba yếu tính tích cực tương tự như của giáo hội La Mã, nền văn hóa Tam Giáo còn bao hàm tính phi ý thức hệ cực mạnh và hoàn toàn phủ nhận tiến trình thể chế hóa phương tiện.

Chính vì thế, tuy thời điểm cách mạng dân chủ đến trễ với nền văn hóa Đông Á qua cuộc cách mạng Tân Hợi 1911 của Tôn Dật Tiên (vì bản chất ôn hòa và trung dung của Tam Giáo) nhưng tính tích cực của nền văn hóa truyền thống sẽ dễ dàng thăng hoa cho quan điểm dân chủ hiện định, pháp trị và đa nguyên ngày hôm nay.

Dĩ nhiên những cuộc cách mạng dân chủ không phải hoàn toàn không khuyết điểm. Vấn đề là các cuộc cách mạng này không nặng giáo điều và những khuyết điểm có cơ hội được tu chính, mặc dù sự tu chính có thể gặp nhiều khó khăn.

Khi chúng ta xét đến trường hợp của Hoa Kỳ, công trình giải phóng nô lệ của Tổng Thống Lincoln cũng không làm cho xã hội Hoa Kỳ hoàn hảo được. Hoa Kỳ có thể được gọi là một xã hội do một đa số trung lưu cai trị một thiểu số người nghèo. Đa số người nghèo thất nghiệp và không có bảo hiểm sức khỏe. Nếu tân Tổng Thống Barack Obama thành công trong việc cải tổ nền y tế Hoa Kỳ và đem lại bảo hiểm sức khỏe cho 15% người dân Hoa Kỳ không có bảo hiểm, thì đây sẽ là một bước đi dài trên con đường đều chỉnh những khuyết điểm lớn lao của cuộc cách mạng Hoa Kỳ 1776.

Mặc dầu chúng ta không thể đánh giá thấp cuộc cách mạng Hoa Kỳ, nhưng chúng ta có quyền đặt câu hỏi gia đình rằng: nếu cuộc cách mạng lừng danh này không xảy ra thì số phận của dân Hoa Kỳ sẽ ra sao? Một trong những câu trả lời mà tôi cảm thấy đương nhiên là: Dân Hoa Kỳ sẽ tương tự như dân Gia Nã Đại hoặc dân Úc Đại Lợi. Chúng ta có thể tranh cãi về những quyền tự do tương đối giữa dân Hoa Kỳ và dân Gia Nã Đại hoặc Úc Đại Lợi. Tuy nhiên có một điều chúng ta có thể khẳng định là tại Gia Nã Đại và Úc, dù đi làm hay thất nghiệp, mọi người đều không cần lo lắng về bảo hiểm sức khỏe. Cần nói thêm rằng, Úc và Gia Nã Đại không phải là những quốc gia hiếm hoi trên phương diện bảo hiểm sức khỏe cho toàn dân, mà hầu hết các quốc gia tiên tiến đều có hệ thống bảo hiểm sức khỏe tương tự, hiệu năng hơn, công bằng hơn và ít tốn kém hơn Hoa Kỳ.

Đại họa của dân tộc Việt Nam là Ông Hồ Chí Minh là một chính trị gia lão luyện nhưng hoàn toàn không có viễn kiến. Ông đã đưa dân tộc vào những tuyệt lộ. Những bước đi, đôi khi ngoạn mục của ông và những đồ đệ, chỉ là những hào nhoáng có tính giai đoạn. Kết quả thực sự họ đem lại cho dân tộc là sự nghèo khổ, tụt hậu so với các dân tộc cùng khu vực và cùng nền tảng văn hóa, sự mất đất, mất vùng biển tổ tiên chúng ta đã tranh đấu nhiều thế kỷ để bảo tồn và sự giảm sút tổng năng lượng trí tuệ của toàn dân tộc.

Nhìn lại vị trí khiêm nhường của đất nước Việt Nam của chúng ta trong bối cảnh toàn cầu, chúng ta mới thấy sự nguy hại của tính thiếu viễn kiến. Ngày 26 tháng 9, 2009 vừa qua, tin tức cho thấy khối kinh tế G20 sẽ thay thế cho khối G8 giữ vai trò quyết định về trật tự kinh tế thế giới từ đây.

Toàn dân Việt Nam, từ chính quyền đến thứ dân, từ trí thức đến lao động đều mặc nhiên chấp nhận Việt Nam không thuộc vào khối này và chấp nhận vị trí của mình như một nước nhược tiểu.

Nếu không có cuộc cách mạng Bolshevik 1917, nếu đảng CSTQ không chiến thắng tại Trung Hoa năm 1949, nếu CSVN không nhờ vào Trung Cộng và chiến thắng tại Điện Biên Phủ 1954 và chinh phục Nam Việt Nam 1975, thì ngày hôm nay, cũng như Nam Hàn, dân tộc Việt Nam với hơn 80 triệu người và khối óc thông minh, cần mẫn đã hãnh diện đứng vào hàng ngũ của những

quốc gia trong khối G20.

Trong những danh nhân tranh đấu cho nền độc lập của nước nhà, các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, các Nhà Cách Mạng Lý Đông A, Trương Tử Anh, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Tường Tam, mặc dù không mưu mô quyền biến, lão luyện giang hồ bằng Ông Hồ Chí Minh, nhưng họ vẫn nhiều viển kiến hơn Ông Hồ, vì một mặt họ chủ trương dân chủ hóa đất nước, nhưng mặt khác họ vẫn chủ trương tiếp nối truyền thống văn hóa của dân tộc.

Nếu không có Ông Hồ Chí Minh và đảng CSVN thì ngày hôm nay, chúng ta không những đã có độc lập mà chúng ta còn có một đất nước tân tiến, một nền kinh tế hùng mạnh, sánh vai cùng Nam Hàn trong khối G20, một nền dân chủ đa nguyên đa đảng và ngang nhiên đối đầu với Trung Quốc trên các sự tranh chấp lãnh địa và lãnh hải.

Không có chủ trương chính trị nào thiếu viển kiến bằng chủ trương đoạn tuyệt với nền văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Không có tư tưởng chính trị nào thiếu viển kiến bằng những giáo điều cứng nhắc làm mọi ngon cho tiến trình thể chế hóa phương tiện để xây dựng những đảng phái và định chế độc tài tàn phá nguyên khí của dân tộc.

Trừ phi trong sự nghèo khổ cùng cực phải mất đi cả nhân tính, mỗi con người, mỗi dân tộc, không phải chỉ có nhu cầu vật chất, cũng không chỉ đơn thuần là một cái chột vô tri trong một bộ máy, cũng không phải đơn thuần là những đơn vị sản xuất trong một guồng máy sản xuất phi nhân tính. Sự thiếu viển kiến của Mác là động lực để các đảng CS khác nhau chủ trương bản cùng hóa những con người và dân tộc trong một cố gắng vô vọng để vật chất hóa con người.

Quan điểm dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên của các nền dân chủ hiện đại là một quan điểm mở (open) và mang tính năng động (dynamic).

Chính vì các lý do trên, muốn phục hưng đất nước và đem lại cho Việt Nam chiều cao thực sự của dân tộc, chúng ta phải song hành chủ trương phục hưng văn hóa dân tộc và xây dựng dân chủ hiến định, pháp trị và đa nguyên.

Điều cần phải nhấn mạnh nơi đây là khi chủ trương đa nguyên là chúng ta phải chủ trương đa nguyên tuyệt đối, không phải chủ trương đa nguyên bề mặt để làm bình phong cho một chế độ lưỡng đảng như Hoa Kỳ. Những phe nhóm quyền lực có thể khống chế một chính đảng trong một chế độ độc đảng dễ dàng để kéo dài đau thương cho cả dân tộc. Những phe nhóm quyền lực cũng có thể khống chế cả hai chính đảng để khống chế toàn bộ xã hội và làm chậm trễ những tiến trình cải tổ xã hội như tại Hoa Kỳ.

Tuy nhiên nếu chúng ta có một môi trường đa nguyên thực sự, thì số đảng phái nhiều hơn và các nhóm quyền lực sẽ không bao giờ khống chế toàn diện được. Nhất là khi nguyên tắc đa nguyên được củng cố bởi việc hiến định hóa thể thức bầu cử chọn đại diện theo tỷ lệ (proportional representation) và trách nhiệm bầu cử cưỡng bách (compulsory voting).

Như đã trình bày trong bài “Những khuyết điểm của nền dân chủ Hoa Kỳ”, bầu cử đại theo tỷ lệ phải nhảy bèn tới đa với tỷ lệ cử tri. Một chính đảng có 5% dân bầu phải có 5% đại diện trong quốc hội. Mọi người dân phải có trách nhiệm đi bầu. Nếu không đi bầu sẽ bị chế tài. Điều này sẽ làm cho những dân nghèo cũng đi bầu như những người khá giả. Về lâu về dài, tiếng nói của người nghèo sẽ được lắng nghe nhiều hơn, giảm thiểu sự bất công xã hội trong các chính sách quốc gia.

Với tính nhạy bén của từng lá phiếu nâng cao và với tính đa nguyên tuyệt đối của môi trường chính trị ngày càng vững mạnh, sẽ không có tình trạng các phe nhóm quyền lực khống chế toàn bộ chính trường, tạo ra những bất công bất trị.

Muốn như thế, người dân thân đi làm cách mạng phải có viễn kiến.

Luật Sư Đào Tăng Dực